TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **32/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 07/11/2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và Ông Vũ Kim Mỹ.
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 179/2019/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; ĐKHKTT và trú tại: xóm 7, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (có mặt)

- Bị đơn: Anh Tạ Văn K, sinh năm 1986; ĐKHKTT và trú tại: Thôn 2, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Chị và anh Tạ Văn K kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã C năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống Thôn 2, xã C, huyện K. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn chị và Tạ Văn K đã sống ly thân từ năm 2012.

Theo chị H thì nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K thường xuyên uống rượu, say xỉn, về nhà vô cớ chửi bới, đánh đập chị. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh K không thay đổi. Vì không thể chịu đựng được, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 7, xã K để sinh sống, ly thân với anh K từ năm 2012, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Tạ Đình K1 sinh ngày 25/10/2009, hiện đang ở với chị, khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung , không yêu cầu anh K đóng góp tiền nuôi con cho chị

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Tạ Văn K trong bản tự khai thể hiện: Anh xác nhận điều kiện, thời gian kết hôn như chị H đã trình bày. Anh và chị H sau khi kết hôn về chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ của anh. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vì mâu thuẫn nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 7, xã K để sinh sống, ly thân với anh từ năm 2012. Nay chị H xin ly hôn với anh thì anh cũng nhất trí. Anh đề nghị Tòa án giải quyết.

Về con chung: Anh cũng xác nhận vợ chồng có 1 con chung là Tạ Đình K1 sinh ngày 25/10/2009, hiện đang ở với chị H. Khi ly hôn anh nhất trí để chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh không phải đóng góp tiền nuôi con. Nếu chị H không nuôi con được thì anh sẽ nuôi.

Về tài sản: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung của vợ chồng là Tạ Đình K1, sinh ngày 25/10/2009 thuộc trường hợp được Tòa án lấy ý kiến theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì cháu có nguyện vọng được ở với chị H.

Do bận công việc, không thể tham gia phiên xét xử được nên anh K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: các đương sự và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về hướng giả quyết vụ kiện: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Tạ Văn K; giao chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Tạ Đình K1, sinh ngày 25/10/2009 đến khi thành niên; anh Tạ Văn K không phải đóng góp tiền nuôi con cho chị H; chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Tạ Văn K, cư trú tại thôn 2, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Bị đơn anh Tạ Văn K đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, theo đúng quy định của pháp luật nhưng do bận công việc nên anh K đã làm đơn xin giải quyết vắng mặt anh, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Tạ Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã C, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Về phía chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng là do anh K thường xuyên rượu chè, say xỉn, về nhà vô cớ chửi bới đánh đập chị; không quan tâm đến vợ con; mặc dù chị đã khuyên nhủ nhưng không có kết quả nên chị chủ động tách hộ khẩu bỏ về nhà mẹ đẻ sống ly thân với anh Kiệm từ năm 2012.

Về phía anh K cũng xác định quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng theo anh là do vợ chồng tính tình không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Vì mâu thuẫn nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 7, xã K để sinh sống, ly thân với anh từ năm 2012.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị H và Tạ Văn K tại UBND xã C là nơi anh chị cư trú trước đây, thì chính quyền địa phương xác nhận chị H và Tạ Văn K có xảy ra mâu thuẫn, chị H đã bỏ nhà đi, không còn chung sống với Tạ Văn K nữa.

Mặc dù nguyên nhân hai bên trình bày có khác nhau nhưng cả chị H và anh K đều xác nhận do mâu thuẫn trong cuộc sống kéo dài không giải quyết được nên vợ chồng sống ly thân đã lâu không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị H và anh K đều khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống cùng nhau được.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị H và K hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị H giải quyết ly hôn với anh K là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Chị Nguyễn Thị H và anh Tạ Văn K đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Tạ Đình K1, sinh ngày 25/10/2009 hiện đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Tạ Văn K đóng góp tiền nuôi con cho chị ; đề xuất của chị được anh K nhất trí để chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh không phải đóng góp tiền nuôi con.

Con chung của vợ chồng là Tạ Đình K, thuộc trường hợp được Tòa án lấy ý kiến theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì cháu có nguyện vọng được ở với chị H.

Thực tế từ khi ly thân đến nay con chung do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. và cuộc sống của con chung vẫn được đảm bảo mà không có sự đóng góp của anh K; mặc dù được giải thích nhưng chị H vẫn không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị khi ly hôn. Để đảm bảo cuộc sống ổn định về sinh hoạt, học tập của con chung và tôn trọng nguyện vọng của cháu K1 thì giao chị H tiếp tục nuôi con chung và anh K không phải đóng góp tiền nuôi con chung của chị H đề xuất là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Tạ Văn K đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề này

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị Hoài phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Tạ Văn K.

2/ Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Tạ Đình K1, sinh ngày 25/10/2009 đến khi thành niên. Anh K không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị H. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA3132 ngày 10/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh